

Số: **11056**/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày **30** tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động
tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội**

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ văn bản số 705/NHCS-PC ngày 12/02/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện kiểm soát thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) của NHCSXH;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban: Pháp chế, Ban Tín dụng Học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục giải quyết công việc thay thế; 01 (một) TTGQCV bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH (*Danh mục TTGQCV tại phần A; nội dung cụ thể của TTGQCV được công bố tại phần B kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng NHCSXH; Giám đốc: Ban Pháp chế, Ban Tín dụng Học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác, các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch, Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (b/cáo);
- Tổng Giám đốc (báo cáo);
- Trưởng BKS NHCSXH;
- Các Phó TGD, KTT;
- Website NHCSXH (Ban PC);
- Lưu: VT, TDSV, PC

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hằng

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
THAY THẾ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Ban hành kèm theo Quyết định số 11056/QĐ-NHCS ngày 30/12/2025
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

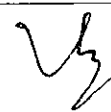
Phần A
DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

I. Danh mục TTGQCV được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH

Số TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên TTGQCV được thay thế	Tên TTGQCV thay thế	Tên văn bản quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.002218	Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh)	Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh)	Văn bản số 11055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	Hoạt động Tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục(tỉnh, thành phố, Phòng giao dịch)
2	2.002219	Thủ tục vay vốn trực tiếp người lao động để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn	Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với người lao động	Như trên	Như trên	Như trên

II. Danh mục TTGQCV bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH

Số TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ TTGQCV	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.006503	Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.	Văn bản số 11055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	Hoạt động Tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục(tỉnh, thành phố, Phòng giao dịch)



Phần B
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Khách hàng vay vốn

- Lập Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 02/GQVL).

- Gửi Phương án sử dụng vốn vay và các giấy tờ khác (nếu có) trong Hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Tiếp nhận hồ sơ vay vốn, kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, lập Báo cáo thẩm định (mẫu số 05/GQVL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt hồ sơ vay vốn.

- Nếu phê duyệt cho vay NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu 04a/GQVL); nếu không phê duyệt cho vay NHCSXH Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/GQVL), ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn.

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07a/GQVL); lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo quy định của NHCSXH (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ

- Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 02/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động như sau:

+ Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; đối với Liên hiệp Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; đối với Tổ hợp tác là Giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác; đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng

nhận đăng ký hộ kinh doanh; giấy phép kinh doanh có điều kiện hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

+ Căn cước/căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực: văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về việc thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH (nếu có). Đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện Tổ hợp tác, hộ kinh doanh thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH.

- Bản sao có chứng thực: Điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã (nếu có).

- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã: Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

- Bản gốc/Bản chính Danh sách người lao động của cơ sở sản xuất, kinh doanh (mẫu số 09/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo:

+ Giấy xác nhận khuyết tật đối với người lao động là người khuyết tật;

+ Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù đối với người lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù;

+ Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

+ Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc hoặc bản chụp thông tin về dân tộc tại tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đối với người lao động là người dân tộc thiểu số.

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp khoản vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ



d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ khách hàng vay vốn.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh).

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07a/GQVL).
- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/GQVL) hoặc Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/GQVL).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 02/GQVL); Danh sách người lao động của cơ sở sản xuất, kinh doanh (mẫu số 09/GQVL).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp.
- Có phương án vay vốn khả thi phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh nhằm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.
- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH đối với phương án vay vốn trên 200 triệu đồng.

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV

- Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.
- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.
- Văn bản số 11055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ, MỞ RỘNG VIỆC LÀM

(Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/hộ kinh doanh số:Cơ quan cấp:.....

Đăng ký lần đầu ngàytháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

Mã số thuế:

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

Chức vụ:

Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:

Ngày cấp: Nơi cấp: Có thời hạn đến

Nơi cư trú:.....

Văn bản về việc ủy quyền (nếu có):

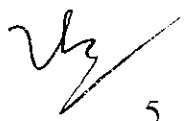
6. Giấy phép kinh doanh có điều kiện/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có):..... thời hạn còn hiệu lực

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Năm:



- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

Năm:

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

III. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên Phương án:

Nơi thực hiện phương án:.....

2. Nội dung phương án sử dụng vốn vay

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chỉ nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

.....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):.

.....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):

.....

b) Phương án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Thời gian thực hiện: từ thángnăm....đến tháng.....năm.....

Thy

c) Phương án sử dụng lao động

- Tổng số lao động:người, trong đó:
- + Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người,
- + Số người lao động được duy trì việc làm (nếu có).....người
- + Số người lao động được mở rộng việc làm (nếu có).....người
- Số lao động ký hợp đồng có thời hạn:.....người
- Số lao động ký hợp đồng không có thời hạn:.....người
- Số lao động nữ (nếu có):..người
- Số lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- Số lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.
- Số lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù (nếu có):.....người.
- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (nếu có): người
- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (nếu có): người
- Số lao động thuộc ít nhất 2 trong số các trường hợp là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (nếu có):người
- Tỷ lệ phần trăm tổng số lao động thuộc ít nhất một trong các đối tượng: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:% trên tổng số lao động.

d) Hiệu quả kinh tế của phương án sử dụng vốn vay

Tổng thu nhập của phương án:.....

Tổng chi phí:.....

Chênh lệch thu nhập và chi phí của phương án:.....

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện phương án: tháng..... năm.....

3. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

- Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội:đồng



IV. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

1. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn:

Số tiền:đồng.

(Bằng chữ:.....).

2. Mục đích sử dụng vốn vay như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1			
2			
3			
...			

3. Thời hạn vay vốn:.....tháng

4. Kỳ hạn trả gốc: Kỳ hạn trả lãi:

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Từ khấu hao:.....đồng;

- Lợi nhuận từ phương án và các nguồn khác:.....đồng;

6. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN
1				
2				
3				
...				

V. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin kê khai và các giấy tờ, hồ sơ lập và cung cấp.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội đầy đủ, đúng hạn.

3. Tuân thủ các quy định về vay vốn, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Cam kết lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay theo tiến độ thực hiện phương án, cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay và cơ quan chức năng khi được yêu cầu.



5. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội./.

..., ngày ... tháng ... năm ...



NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên người đại diện vay vốn:.....Chức vụ:.....
5. Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước:.....
Ngày cấp:.....nơi cấp:.....còn thời hạn đến:.....
6. Nơi thực hiện phương án:.....
7. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất¹

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ SXKD

STT	Họ và tên người lao động	Số Hợp đồng LĐ	Ngày ký HĐLĐ	Loại HĐLĐ	Đối tượng ưu tiên ²
1					
2					
3					
...					

Cơ sở sản xuất, kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin kê khai và các giấy tờ, hồ sơ lập và cung cấp

....., ngày....tháng....năm....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Nếu thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất thì điền một trong các nội dung: cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên thuộc ít nhất một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

² Ghi cụ thể nếu người lao động thuộc một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.



2. Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với người lao động

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Khách hàng vay vốn

- Lập Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 01/GQVL).
- Nộp Phương án sử dụng vốn vay và các giấy tờ khác (nếu có) trong Hồ sơ vay vốn cho Tổ TK&VV nơi khách hàng cư trú hợp pháp.

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV

- Hợp Tổ bổ sung tổ viên, bình xét cho vay (mẫu số 10C/TD).
- Kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, lập Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) và gửi kèm Phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/GQVL) của các tổ viên trình UBND cấp xã xác nhận.
- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách (mẫu số 03/TD).

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục xem xét, phê duyệt hồ sơ vay vốn.
- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND xã để thông báo cho khách hàng vay vốn.
- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07b/GQVL).

b) Cách thức thực hiện

Khách hàng vay vốn nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

- Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 01/GQVL).
- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh đối với người lao động thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo quy định:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo. Trường hợp người lao động có



tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về dân tộc của khách hàng vay vốn trong ứng dụng VNeID; in bản chụp thông tin về dân tộc, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về nơi ở hiện tại và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về nơi ở hiện tại của khách hàng vay vốn trong ứng dụng VNeID; in bản chụp thông tin về nơi ở hiện tại, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động là người khuyết tật: Giấy xác nhận khuyết tật.

+ Người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng hoặc giấy xác nhận khuyết tật đặc biệt nặng; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền chứng minh về thông tin thành viên hộ gia đình, cư trú đối với người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về thành viên hộ gia đình có cùng thông tin cư trú trong ứng dụng VneID; in bản chụp thông tin cư trú, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng hoặc quyết định nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của khách hàng vay vốn.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân người lao động

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV, Trưởng thôn.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07b/GQVL).

h) Phí, lệ phí: Không.



i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 01/GQVL).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Có phương án sử dụng vốn vay để tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV

- Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.
- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.
- Văn bản số 11055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.



Mẫu số 01/GQVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ, MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Đối với người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên khách hàng vay vốn:

Ngày sinh: .../.../... Dân tộc: Giới tính:

Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:Có thời hạn đến:.....

Nơi ở hiện tại (thường trú/tạm trú⁽¹⁾):.....

Điện thoại:

Thuộc đối tượng khác (nếu có)⁽²⁾:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- ☐ 1. Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo.
- ☐ 2. Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- ☐ 3. Người khuyết tật.
- ☐ 4. Người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.
- ☐ 5. Người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.
- ☐ 6. Khác (nếu có)

Thông tin, giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên, gồm⁽³⁾:

.....
.....
.....
.....

Tôi có nhu cầu vay vốn để thực hiện phương án:



.....
Nơi thực hiện phương án:

.....
Tổng số người lao động được tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm⁽⁴⁾:
..... người, trong đó:

Tạo việc làm:người; Duy trì việc làm: người;
Mở rộng việc làm:người; Là lao động nữ (nếu có):..... người;
Số thành viên thuộc hộ gia đình:người
Số thành viên không thuộc hộ gia đình (nếu có):người

Vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng
 - Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng
- (Bằng chữ:)

với mục đích sử dụng vốn vay cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Hiệu quả kinh tế của phương án:

- Tổng thu nhập của phương án:.....
- Tổng chi phí:.....
- Chênh lệch thu nhập và chi phí của phương án:.....

Thời hạn xin vay: tháng

Kỳ hạn trả gốc: Kỳ hạn trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)
2. Lãi suất:%/năm. Lãi suất nợ quá hạn:%/năm.
3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.
4. Số tiền trả nợ: đồng/lần. Số tiền trả nợ kỳ cuốiđồng.
Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

KH Nghiệp vụ Tín dụng/

Tổ trưởng Tổ KH-NV

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Ghi chú:

(1) Trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi thường trú thì ghi thông tin nơi thường trú; trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi tạm trú thì ghi thông tin nơi tạm trú.

(2) Thuộc đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền được vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm:

- **Người cao tuổi** theo văn bản hướng dẫn số 591/NHCS-TDSV ngày 12/8/2019;

- **Người lao động trong gia đình người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí** theo văn bản hướng dẫn số 6216/NHCS-TDSV ngày 09/7/2021;

- **Người có đất thu hồi** theo văn bản hướng dẫn số 4545/HD-NHCS ngày 01/8/2024;

- Các đối tượng khác theo văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

(3) Thông tin, giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên dành cho đối tượng ưu tiên, cụ thể:

- **Đối với người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo:** Giấy tờ chứng minh về dân tộc và Giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo theo quy định.

- **Đối với người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn (người có nơi ở hiện tại thuộc thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc các địa bàn khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):** Giấy tờ chứng minh về nơi ở hiện tại và Giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo theo quy định.

- **Đối với người lao động là Người khuyết tật, đề nghị kê khai:** Giấy xác nhận khuyết tật số do Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu cấp ngày

- **Đối với Người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, đề nghị kê khai:**

+ Họ và tên Người khuyết tật/người khuyết tật đặc biệt nặng:.....

+ Giấy xác nhận-khuyết tật sốdo Ủy ban nhân dân xã/ phường/đặc khu cấp ngày

+ Hoặc Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng sốcấp ngày.....

- **Đối với Người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, đề nghị kê khai:**

+ Họ và tên Người khuyết tật/Người khuyết tật đặc biệt nặng:.....

+ Giấy xác nhận khuyết tật số do Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khucấp ngày

+ Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng số:.....cấp ngày.....

+ Hoặc Quyết định nhận chăm sóc, nuôi dưỡng số:.....cấp ngày.....

(4) Người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc.

- Tạo việc làm là tạo việc làm cho người thất nghiệp;

- Duy trì việc làm là duy trì việc làm hiện có của người lao động;

- Mở rộng việc làm là việc thu hút thêm lao động hoặc tạo thêm việc làm khác cho người lao động.